

**Xy lanh kẹp loại song song**  
**DHPC-40-A-NO-S-1**  
Số bộ phận: 8116901

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                     | Giá trị                                                                                               |
|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                                   | 40                                                                                                    |
| Hành trình trên mỗi hàm kẹp                                  | 15 mm                                                                                                 |
| Độ chính xác trao đổi tối đa                                 | 0.2 mm                                                                                                |
| Bộ gấp tối đa hàm góc chơi rù, ay                            | 0 °                                                                                                   |
| Khe chấu kẹp tối đa Sz                                       | 0 mm                                                                                                  |
| đối xứng quay                                                | 0.2 mm                                                                                                |
| Độ chính xác lắp lại kẹp                                     | 0.02 mm                                                                                               |
| Số chấu kẹp                                                  | 2                                                                                                     |
| Loại bộ truyền động                                          | khí nén                                                                                               |
| Vị trí lắp đặt                                               | bất kì                                                                                                |
| Nguyên tắc vận hành                                          | tác động đơn lẻ<br>mở                                                                                 |
| Chức năng kẹp                                                | Song song                                                                                             |
| Thiết bị an toàn lực kẹp                                     | khí mở                                                                                                |
| Cấu trúc xây dựng                                            | Hướng kết nối ở bên<br>Cần điều khiển<br>Kiểu gắn bên cho ngón tay kẹp<br>chuỗi chuyển động cưỡng bức |
| Dẫn hướng                                                    | Thanh dẫn hướng cầu                                                                                   |
| Phát hiện vị trí                                             | cho các công tắc gần                                                                                  |
| Áp suất vận hành                                             | 0.25 MPA...0.8 MPA<br>2.5 bar...8 bar<br>36.25 psi...116 psi                                          |
| Tần số làm việc tối đa của kẹp                               | 1 Hz                                                                                                  |
| Thời gian mở tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)             | 300 ms                                                                                                |
| Thời gian đóng tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)           | 67 ms                                                                                                 |
| Môi chất vận hành                                            | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                                  |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                        | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                                         |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                         | 0 - không ứng suất ăn mòn                                                                             |
| Tuân thủ LABS                                                | VDMA24364-B2-L                                                                                        |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                               | -10 °C...60 °C                                                                                        |
| Đóng tổng lực kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)              | 675 N                                                                                                 |
| Đóng lực kẹp trên mỗi chấu kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi) | 337.5 N                                                                                               |

| Đặc tính                                            | Giá trị                                                                                                                                     |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mô-men quán tính khối lượng                         | 15.31 kgcm <sup>2</sup>                                                                                                                     |
| Lực tối đa trên hàm kẹp Fz tĩnh                     | 351.5 N                                                                                                                                     |
| Thời điểm tối đa tại thời điểm nắm chặt hàm Mx tĩnh | 16.15 N m                                                                                                                                   |
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp My tĩnh              | 9.55 N m                                                                                                                                    |
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp Mz tĩnh              | 9.55 N m                                                                                                                                    |
| trọng lượng sản phẩm                                | 1469 g                                                                                                                                      |
| Kiểu gắn                                            | Gắn trực tiếp qua lỗ xuyên<br>Gắn trực tiếp thông qua ren<br>trên khung lắp<br>với lỗ xuyên và chốt<br>với ren trong và chốt khớp<br>tùy ý: |
| Cổng nối khí nén                                    | M5                                                                                                                                          |
| Ghi chú vật liệu                                    | Tuân thủ RoHS                                                                                                                               |
| Vật liệu vỏ                                         | Nhôm, anot hóa                                                                                                                              |
| Hàm kẹp vật liệu                                    | thép hợp kim không gỉ                                                                                                                       |